

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỌ XUÂN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 99/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 04/4/2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Đăng Thiện
- Ông Nguyễn Văn Sâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 231/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2025/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1982; số định danh cá nhân: 038082048020; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

- Bị đơn: Chị Thiều Thị T1, sinh năm 1984; số định danh cá nhân: 038184020654; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Trần Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Thiều Thị T1 qua tìm hiểu, tự nguyện lấy nhau. Vợ chồng có đăng ký kết hôn lần đầu vào năm 2009 tại UBND xã Xuân

Hòa, huyện T. Tuy nhiên quá trình chung sống, giữa vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn, nên vào năm 2016 vợ chồng đã giải quyết ly hôn tại Tòa án. Thời gian sau đó vợ chồng hàn gắn được tình cảm, nên đến năm 2019 vợ chồng đã quay lại chung sống với nhau để cùng nuôi con. Đến ngày 28/10/2022 thì anh và chị T1 có đăng ký kết hôn lại với nhau tại UBND xã T, huyện T. Sau khi đăng ký kết hôn lại, vợ chồng chung sống hòa thuận được thời gian ngắn khoảng hơn 1 năm thì lại phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong gia đình. Từ tháng 4/2024 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, gia đình hòa giải hàn gắn tình cảm cho vợ chồng nhưng không kết quả, nên đã ly thân về tình cảm với nhau mặc dù vẫn đang chung sống cùng một nhà. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, nên anh đề nghị Tòa án giải quyết xin được ly hôn.

Về con chung: Anh T xác định vợ chồng có 03 con chung là cháu Trần Diệu L, sinh ngày 23/5/2011, cháu Trần Bảo A, sinh ngày 24/4/2013 và cháu Trần Gia H, sinh ngày 19/12/2022. Quan điểm của anh T là đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con lớn là cháu Diệu L và cháu Bảo A; con chung là cháu Gia H đang còn nhỏ, nên anh đề nghị giao chị T1 được trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không ai phải cấp dưỡng.

Về tài sản và công nợ: Anh T xác định để vợ chồng sẽ tự thỏa thuận phân chia, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, lời khai tại các phiên hoà giải, bị đơn là chị Thiều Thị T1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Tình tự N lấy nhau, kết hôn lần đầu vào năm 2010. Tuy nhiên do vợ chồng có mâu thuẫn về tình cảm, nên năm 2016 đã giải quyết ly hôn tại Tòa án. Sau đó vợ chồng có hàn gắn được tình cảm nên lại về chung sống với nhau, đến năm 2022 làm thủ tục đăng ký kết hôn lại tại UBND xã T. Quá trình chung sống sau đó vợ chồng hạnh phúc và đã sinh thêm một con chung. Nay anh T đòi ly hôn, quan điểm của chị T1 là do anh T đang có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, còn thực tế giữa vợ chồng không có mâu thuẫn gì trầm trọng hết, việc anh T có quan hệ với người phụ nữ khác chị sẵn sàng tha thứ, chỉ mong anh T suy nghĩ lại để vợ chồng cùng chung sống nuôi con, nên chị không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị T1 xác định vợ chồng có 03 con chung là cháu Trần Diệu L, sinh ngày 23/5/2011, cháu Trần Bảo A, sinh ngày 24/4/2013 và cháu Trần Gia H, sinh ngày 19/12/2022. Quan điểm của chị T1 là nếu Tòa án giải quyết ly hôn, thì chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 10.000.000 đồng.

Về tài sản và công nợ: Chị T1 xác định vợ chồng sẽ tự thỏa thuận với nhau, nên không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Thiều Thị T1 vắng mặt, nhưng có gửi cho Tòa án Văn bản trình bày ý kiến ngày 21/3/2025, thể hiện quan điểm như sau:

Quá trình giải quyết chị có ý kiến không đồng ý ly hôn vì chị muốn con cái có cả bố lẫn mẹ, tuy nhiên nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, hơn nữa nay anh T đã có người phụ nữ khác mới đòi ly hôn, nên chị thống nhất đồng ý ly hôn. Về con chung: Vì điều kiện kinh tế hiện nay của chị khó khăn, nếu nuôi cả ba con sẽ gặp rất nhiều khó khăn, nên chị đồng ý để anh T được quyền trực tiếp nuôi cháu Diệu L và cháu Bảo A, còn chị sẽ trực tiếp nuôi cháu Gia H đang còn nhỏ. Hai bên không ai phải cấp dưỡng. Về tài sản và công nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Tại “Văn bản trình bày nguyện vọng của con” do cháu Trần Diệu L và cháu Trần Bảo A viết ngày 21/01/2025 gửi Tòa án, có thể hiện quan điểm là các cháu không muốn bố mẹ ly hôn và mong muốn được chung sống với cả bố và mẹ,

Tại Biên bản xác minh lập ngày 17/01/2025, đại diện UBND xã T cho biết:

Anh Trần Văn T và chị Thiều Thị T1 có quan hệ là vợ chồng, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 32/2022, ngày 28/10/2022. Quá trình chung sống vợ chồng anh T và chị T1 có 03 con chung là cháu Trần Diệu L, sinh ngày 23/5/2011, cháu Trần Bảo A, sinh ngày 24/4/2013 và cháu Trần Gia H, sinh ngày 19/12/2022. Về mâu thuẫn giữa vợ chồng, địa phương không nắm bắt được, do gia đình không báo cáo và không yêu cầu hòa giải cơ sở.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến, như sau:

I. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

3. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn; Bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

II. Về quan điểm giải quyết vụ án: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. *Về hôn nhân:* Xử cho Anh Trần Văn T được ly hôn với chị Thiều Thị T1.

2. *Về con chung:* Giao con chung là Trần Diệu L, sinh ngày 23/5/2011 và

Trần Bảo A, sinh ngày 24/4/2013 cho anh Trần Văn T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Giao con chung là Trần Gia H, sinh ngày 19/12/2022 cho chị Thiều Thị T1 được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Anh T và chị T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. *Về tài sản và công nợ*: Không xem xét.

4. *Về án phí*: Anh Trần Văn T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Trần Văn T khởi kiện đề nghị giải quyết xin được ly hôn với chị Thiều Thị T1, cư trú tại: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là chị Thiều Thị T1 vắng mặt, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn T và chị Thiều Thị T1 tự nguyện kết hôn, đã được UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 28/10/2022, nên xác định quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị T1 là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình vợ chồng chung sống với nhau, thì từ tháng 4/2024 tình cảm giữa vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, do giữa vợ chồng không có sự tôn trọng và chia sẻ với nhau trong gia đình, bất đồng về quan điểm, nên đã thường xuyên để xảy ra việc mâu thuẫn, cãi vã và xúc phạm nhau. Mặc dù hiện tại vợ chồng vẫn đang sống chung một nhà, nhưng đã không còn quan hệ tình cảm với nhau. Quá trình giải quyết vụ án, anh T một mực đề nghị Tòa án giải quyết xin được ly hôn. Tại các phiên hoà **giải thì chị T1 có ý kiến là không đồng ý ly hôn, tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay chị T1 vắng mặt, nhưng có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt và trình bày ý kiến thể hiện quan điểm là đồng ý ly hôn. Do đó, có đủ cơ sở xác định: Quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của anh T, xử cho anh Trần Văn T được ly hôn với chị Thiều Thị T1.**

[3] Về con chung: Anh Trần Văn T và chị Thiều Thị T1 có 03 con chung là cháu Trần Diệu L, sinh ngày 23/5/2011, cháu Trần Bảo A, sinh ngày 24/4/2013 và cháu Trần Gia H, sinh ngày 19/12/2022.

Quá trình giải quyết vụ án, hai con chung trên 7 tuổi là cháu Diệu L và cháu Bảo A không có ý kiến cụ thể về nguyện vọng là xin ở với bố hoặc mẹ; con chung

là cháu Gia H thì đang ở độ tuổi dưới 36 tháng Tuổi. Anh T có thể hiện nguyện vọng xin được nuôi hai con đầu là cháu Diệu L và cháu Bảo A, đề nghị giao cháu Gia H đang còn nhỏ cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng; Tại Văn bản trình bày ý kiến ngày 21/3/2025 gửi Tòa án, chị T1 cũng có quan điểm là đồng ý để anh T được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con đầu là cháu Diệu L và cháu Bảo A; chị T1 xin được trực tiếp nuôi con nhỏ là cháu Gia H. Xét, anh T và chị T1 đều có đủ các điều kiện để được trực tiếp nuôi con; hơn nữa hiện tại vợ chồng có 03 con chung đang cần phải có người trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, để đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt của con và đảm bảo quyền được nuôi con của hai bên vợ chồng sau ly hôn, cần thiết giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Diệu L và cháu Bảo A; giao chị T1 nuôi dưỡng cháu Gia H, như vậy là phù hợp với quy định của pháp luật. Anh T và chị T1 đều có ý kiến không yêu cầu cấp dưỡng, do đó hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về phần tài sản và công nợ: Anh Trần Văn T và chị Thiệu Thị T1 đều có ý kiến không yêu cầu giải quyết. Do đó, không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn anh Trần Văn T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về hôn nhân: Xử cho Anh Trần Văn T được ly hôn với chị Thiệu Thị T1.

2. Về con chung: Anh Trần Văn T và chị Thiệu Thị T1 có 03 (ba) con chung là cháu Trần Diệu L, sinh ngày 23/5/2011, cháu Trần Bảo A, sinh ngày 24/4/2013 và cháu Trần Gia H, sinh ngày 19/12/2022.

Giao con chung là Trần Diệu L và Trần Bảo A cho anh Trần Văn T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Giao con chung là Trần Gia H cho chị Thiệu Thị T1 được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Trần Văn T và chị Thiệu Thị T1 không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Trần Văn T và chị Thiệu Thị T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. *Về tài sản và công nợ*: Không xem xét.

4. *Về án phí*: Anh Trần Văn T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh T đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005270 ngày 12/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân. Như vậy, anh Trần Văn T đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- P. kiểm tra nghiệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- UBND xã Thọ Hải;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Minh Tiến